

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH LÂM ĐỒNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 60/2026/DS-PT
Ngày: 26 - 01 - 2026
V/v tranh chấp hợp đồng vay tài
sản, tranh chấp hui.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH LÂM ĐỒNG

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Hồng Thái

Các Thẩm phán: Ông Nguyễn Văn Quân

Bà Nguyễn Thị Thủy Tiên

- Thư ký phiên tòa: Ông Lê Đức Khang là Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Lâm Đồng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Lâm Đồng tham gia phiên tòa: Ông Đinh Văn Lai – Kiểm sát viên.

Trong các ngày 23 và 26 tháng 01 năm 2026, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh L xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số 465/2025/TLPT-DS ngày 24 tháng 11 năm 2025, về việc: “*Tranh chấp hợp đồng vay tài sản, tranh chấp hui*”, do Bản án dân sự sơ thẩm số 30/2025/DS-ST ngày 20 tháng 8 năm 2025 của Tòa án nhân dân khu vực 12 – Lâm Đồng bị kháng cáo, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 663/2025/QĐ-PT ngày 08 tháng 12 năm 2025 và Quyết định hoãn phiên tòa số 471/2025/QĐ-PT ngày 25 tháng 12 năm 2025, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà Đào Thị Xuân N, sinh năm 1983; Địa chỉ: Thôn M, xã T9, tỉnh L (Địa chỉ cũ: Thôn 2, xã M, huyện B, tỉnh T).

- Bị đơn: Bà Lê Thị T1, sinh năm 1982; Địa chỉ: Số 25 X, tổ 7, thôn G, xã T9, tỉnh L (Địa chỉ cũ: Số 25 X, tổ 7, khu phố G, thị trấn M, huyện B, tỉnh T).

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

1. Ông Lê Khả V, sinh năm 1976; Địa chỉ: Số 25 X, tổ 7, thôn G, xã T9, tỉnh L (Địa chỉ cũ: Số 25 X, tổ 7, khu phố G, thị trấn M, huyện B, tỉnh T).

2. Ông Đặng Phước H, sinh năm 1981

Người đại diện theo ủy quyền của ông H: Bà Đào Thị Xuân N, sinh năm 1983 (Theo văn bản ủy quyền ngày 16/4/2025).

Cùng địa chỉ: Thôn M, xã T9, tỉnh L (Địa chỉ cũ: Thôn 2, xã M, huyện B, tỉnh T).

- Người kháng cáo: Bị đơn bà Lê Thị T1.

Tại phiên tòa, có mặt bà Đào Thị Xuân N, bà Lê Thị T1; những người tham gia tố tụng còn lại vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo Bản án sơ thẩm thì nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Tại đơn khởi kiện và quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn bà Đào Thị Xuân N trình bày:

Bà và bà Lê Thị T1 đều là giáo viên tại Trường Tiểu học LH, xã T9, tỉnh L. Mỗi năm các giáo viên tại trường có tổ chức chơi góp vốn, là một hình thức chơi hội nhưng để các giáo viên giúp đỡ nhau khi có khó khăn. Vào tháng 7/2024, các giáo viên tại trường tổ chức chơi 04 dây hội, mỗi dây 2.000.000 đồng, bà chơi cả 4 dây hội, bà T1 chơi 02 dây.

Trong sinh hoạt thường ngày, bà T1 có hoàn cảnh khó khăn, hay mượn tiền và thiếu nợ nên không được các giáo viên tại trường tin tưởng. Thời điểm tháng 7/2024 khai hội, bà T1 muốn hót đầu tiên, nhưng không ai cho hót nên bà T1 đã đề nghị bà đổi 04 chân hội đứng tên bà sang cho bà T1, còn bà T1 đổi 02 chân hội dưới tên bà T1 sang cho bà, do muốn giúp bà T1, bà đồng ý hoán đổi. Lúc đó bà T1 đang nghỉ phép về quê tại Thanh Hóa, bà T1 đã nhờ bà hót hội và trả nợ giúp. Bà đã giúp bà T1 bỏ 160.000 đồng, hót được 23.920.000 đồng, hót cả 02 dây hội tháng 7/2024 được số tiền 47.840.000 đồng. Đến tháng 8/2024, bà T1 tiếp tục nhờ bà hót 02 dây hội đứng tên bà, cũng bỏ 160.000 đồng, hót được 24.080.000 đồng, hót cả 02 dây hội là 48.160.000 đồng. Tổng số tiền hót 04 chân hội là 96.000.000 đồng.

Sau khi hót hội, bà T1 có nhờ bà trả tiền vay của bà Đào Thị Xuân P nên bà đã thay bà T1 trả cho bà P số tiền 72.000.000 đồng. Như vậy, tiền hội của bà T1 còn lại là 24.000.000 đồng. Bà T1 có nhờ bà đóng tiền hội cũ 12.000.000 đồng, mua kem dưỡng da 1.300.000 đồng, trả tiền hội cho bà N 4.000.000 đồng, 4.000.000 đồng đóng hội chết tháng 7/2024, rồi số tiền còn lại là 2.700.000 đồng bà để đóng lãi thấu chi của bà T1 đã vay.

Sau khi hót hội, bà T1 vẫn đóng tiền hội chết đầy đủ. Đến tháng 12/2024, không biết vì lý do gì mà bà T1 không đóng hội chết của 04 dây hội bà T1 đã hót nữa. Do 04 dây hội này mang tên bà nên bà đã cố gồng gánh đóng hội chết cho các giáo viên khác. 04 dây hội này đến tháng 8/2025 sẽ mãn.

Nay bà khởi kiện yêu cầu bà T1 phải trả số tiền 72.000.000 đồng, là tiền hội chết bà đóng cho bà T1 từ tháng 12/2024 đến khi mãn hội vào tháng 8/2025.

Về vàng nữ trang:

Bà có bộ nữ trang vàng 18K gồm 01 sợi dây chuyền, 01 đôi bông tai, 01 vòng đeo tay, 01 nhẫn, bà đã mua với số tiền 23.710.000 đồng vào năm 2023.

Ngày 23/9/2024, khi bà đang dạy tại trường và đang đeo bộ nữ trang vàng này, bà T1 đã trình bày hoàn cảnh khó khăn nên có ngỏ ý mượn bộ nữ trang vàng này của bà để đi cầm cố. Vì trước đây bà T1 đã lỡ tiêu hết tiền bảo hiểm của học sinh đã đóng cho bà T1, vì thời điểm đó bà T1 đang bị trường chuẩn bị kỷ luật do không nộp tiền bảo hiểm học sinh. Để giúp bà T1 không bị kỷ luật, bà đã đồng ý

đưa cho bà T1 bộ nữ trang vàng này để bà T1 cầm cố tại tiệm vàng K tại chợ M để lấy số tiền 20.000.000 đồng. Sau khi cầm cố, bà T1 đã đưa giấy cầm cố gốc cho bà giữ vì bà sợ mất bộ nữ trang này. Tiền lãi mỗi tháng là 320.000 đồng.

Tháng 10/2024, bà T1 đã tự đóng tiền lãi cho tiệm vàng K tại chợ M.

Từ tháng 11/2024 đến nay, bà T1 không đóng tiền lãi cho tiệm vàng K nữa, bà sợ mất nên phải tiếp tục đóng tiền lãi cho tiệm vàng.

Khi mượn bộ nữ trang vàng, bà T1 có đưa cho bà thẻ Ngân hàng A mang tên Lê Thị T1, cho biết luôn mật khẩu nhằm mục đích hàng tháng khi có lương của bà T1 chuyển vào, bà sẽ rút 5.000.000 đồng, sau 04 tháng thì bà có đủ 20.000.000 đồng để chuộc vàng. Tuy nhiên, sau khi có lương, bà đi rút tiền nhưng trong tài khoản không có tiền, bà đã đến ngân hàng A chi nhánh B để kiểm tra thì phát hiện bà T1 đã thay thẻ khác, thẻ đã đưa cho bà không còn giá trị sử dụng.

Hiện nay, bà đã chuộc bộ nữ trang vàng này.

Nay bà khởi kiện yêu cầu bà T1 phải trả nợ số tiền 20.000.000 đồng và tiền lãi phát sinh bà đã đóng cho tiệm vàng là 2.560.000 đồng.

Về tiền vay từ tài khoản thấu chi:

Tại trường, mỗi giáo viên đều làm thủ tục vay thấu chi tại Ngân hàng A, bà cũng có vay thấu chi số tiền 50.000.000 đồng, nhưng bà chưa dùng tới vì chưa cần thiết.

Vào ngày 23/7/2024, bà T1 đã mượn của bà 23.000.000 đồng từ tiền thấu chi của bà, nhằm mục đích trả nợ cho bà Đào Thị Xuân P, sinh năm 1984, trú tại khu phố 1, thị trấn M, huyện B, tỉnh T. Việc bà T1 vay tiền không có lập giấy tờ gì, chỉ có tin nhắn trên nền tảng mạng xã hội Zalo giữa bà T1 và bà.

Đến ngày 06/8/2024, bà T1 tiếp tục mượn của bà 24.000.000 đồng từ tiền thấu chi của bà, bà đưa tiền mặt cho bà T1, việc đưa tiền không lập giấy tờ gì. Mỗi tháng, khi ngân hàng báo tiền lãi, bà sẽ nhắn cho bà T1 và bà T1 thanh toán lãi.

Nay bà yêu cầu bà T1 phải trả cho bà số tiền 47.000.000 đồng, tiền lãi tính đến nay là 1.402.000 đồng (lãi này bà tính thực tế do ngân hàng đã thu lãi thế nào thì bà tính theo như vậy).

Tiền vay 2.000.000 đồng để trả lãi cho hợp đồng đặt cọc đất của ông Cao Tiến Tr, yêu cầu bà T1 phải trả số tiền này.

Quá trình giải quyết vụ án, bị đơn bà Lê Thị T1 trình bày:

Đối với tiền hội: Bà thừa nhận có nhờ bà N hót 04 đầu hội và nhờ bà N trả nợ giúp. Sau khi hót 04 chân hội, bà cũng đã đóng tiền hội chết đến hết tháng 11/2024. Đến tháng 12/2024, bà đã chốt lại tiền nợ với bà Đào Thị Xuân P thì mới biết bà N không trả nợ cho bà P giúp bà nên từ đó bà không đóng hội chết nữa.

Nay bà N khởi kiện yêu cầu bà phải trả số tiền 72.000.000 đồng, bà không đồng ý.

Bà đã đóng 03 tháng hội chết 9-10-11/2024: Tổng số tiền 24.000.000 đồng, do bà N đã sử dụng số tiền hội đã hót của bà nên nay bà yêu cầu bà N phải trả lại cho bà số tiền này.

Về vàng nữ trang: Thống nhất ý kiến và yêu cầu của bà N, bà thống nhất trả cho bà N số tiền đã cầm thế vàng là 20.000.000 đồng tiền gốc và tiền lãi như bà N yêu cầu.

Về tiền vay từ tài khoản thấu chi:

Bà thừa nhận có mượn thấu chi của bà N số tiền 23.000.000 đồng tại Ngân hàng A vào ngày 23/7/2024.

Bà N nói bà có mượn 24.000.000 đồng từ tiền thấu chi của bà N, bà không đồng ý, bà không có mượn tiền này.

Nay bà N yêu cầu bà phải trả cho bà số tiền 47.000.000 đồng, tiền lãi tính đến nay là 1.402.000 đồng, bà không đồng ý, vì bà chỉ mượn thấu chi 23.000.000 đồng, bà chỉ trả 23.000.000 đồng và tiền lãi của 23.000.000 đồng, còn 24.000.000 đồng bà không đồng ý trả vì bà không có mượn.

Tiền vay của bà N 2.000.000 đồng để trả lãi cho hợp đồng đặt cọc đất của ông Cao Tiến Tr, bà thừa nhận có vay số tiền này và đồng ý trả 2.000.000 đồng này cho bà N.

Tại phiên tòa sơ thẩm:

Nguyên đơn bà Đào Thị Xuân N trình bày:

Đối với số tiền hội:

Đối với hội tháng 7/2024: Bà hót hội cho bà T1 được 47.840.000 đồng, đã chi trả các khoản gồm 40.000.000 đồng trả cho bà Đào Thị Xuân P, 6.000.000 đồng trả tiền hội cũ, 1.300.000 đồng tiền mua kem dưỡng da cho bà T1. Còn lại số tiền 540.000 đồng bà T1 nhờ bà N giữ.

Đối với hội tháng 8/2024: Bà hót hội cho bà T1 được 48.160.000 đồng, đã chi các khoản gồm trả cho bà P 32.000.000 đồng, 6.000.000 đồng trả tiền hội cũ, 4.000.000 đồng tiền đóng hội chết đã hót vào tháng 7/2024, 4.000.000 đồng trả cho bà N, trả lãi thấu chi 200.000 đồng. Còn lại số tiền 1.960.000 đồng bà T1 nhờ bà N giữ.

Nay bà N khởi kiện yêu cầu vợ chồng bà T1, ông Lê Khả V phải trả số tiền hội 72.000.000 đồng mà bà đã đóng hội chết cho bà T1. Bà sẽ trả lại cho bà T1 số tiền 2.500.000 đồng còn dư.

Đối với khoản tiền thấu chi 24.000.000 đồng: Bà rút yêu cầu khởi kiện đối với yêu cầu này.

Đối với các yêu cầu khởi kiện khác, bà vẫn giữ nguyên ý kiến và yêu cầu.

Bị đơn bà Lê Thị T1 trình bày: Đối với tiền hội, bà T1 thừa nhận có nhờ bà N hót hội và nhờ bà N trả nợ. Bà T1 thống nhất các khoản bà N đã chi, trừ số

tiền 72.000.000 đồng trả cho bà P thì bà không đồng ý. Đối với tiền vay thấu chi số tiền 24.000.000 đồng, bà không vay nên không đồng ý trả theo yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Bị đơn thống nhất với các yêu cầu khởi kiện còn lại của bà N.

Tại Bản án dân sự sơ thẩm số 30/2025/DS-ST ngày 20 tháng 8 năm 2025 của Tòa án nhân dân khu vực 12 – Lâm Đồng đã quyết định:

Căn cứ vào: Khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35 và Điều 39, khoản 2 Điều 92, Điều 227, Điều 228, Điều 244, Điều 271, Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 280, Điều 351, Điều 463, Điều 466, Điều 468, khoản 2 Điều 470, Điều 471 Bộ luật Dân sự; Điều 27, Điều 30, khoản 2 Điều 37 Luật Hôn nhân và Gia đình; khoản 4 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Tuyên xử:

1. Đình chỉ một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Đào Thị Xuân N đối với yêu cầu bà Lê Thị T1 và ông Lê Khả V phải trả nợ số tiền vay thấu chi 24.000.000 đồng. Đương sự được quyền khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết lại đối với yêu cầu này.

2. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Đào Thị Xuân N: Bà Lê Thị T1 và ông Lê Khả V có nghĩa vụ liên đới trả cho vợ chồng bà Đào Thị Xuân N, ông Đặng Phước H tổng số tiền 121.837.000 đồng, gồm các khoản: 72.000.000 đồng tiền nợ hui, 22.560.000 đồng là tiền đã cầm cố vàng (gồm 20.000.000 đồng tiền gốc và 2.560.000 đồng tiền lãi), 25.277.000 đồng tiền vay thấu chi (gồm 23.000.000 đồng tiền gốc và 2.277.000 đồng tiền lãi), 2.000.000 đồng tiền vay. Sau khi khấu trừ số tiền 2.500.000 đồng số tiền hót hui còn dư do bà Đào Thị Xuân N đang giữ, bà Lê Thị T1 và ông Lê Khả V còn phải trả cho vợ chồng bà Đào Thị Xuân N, ông Đặng Phước H tổng số tiền 119.337.000 đồng.

Ngoài ra, Bản án còn tuyên lãi suất chậm thi hành án, án phí, quyền kháng cáo, quyền và nghĩa vụ thi hành án theo quy định của pháp luật.

Sau khi xét xử sơ thẩm, ngày 26/8/2025, bà Lê Thị T1 kháng cáo đề nghị xem xét lại Bản án sơ thẩm.

Tại phiên tòa phúc thẩm:

- Bị đơn bà Lê Thị T1 xác định chỉ kháng cáo một phần Bản án sơ thẩm, đề nghị xem xét lại phần tuyên buộc chồng bà là ông Lê Khả V liên đới cùng bà T1 trả nợ, lý do ông V không biết gì về các khoản tiền bà vay của bà N và không đồng ý trả 72.000.000 đồng tiền nợ hui, vì bà N hót hui nhưng không biết hót được bao nhiêu tiền và không biết bà N trả nợ cho ai, không đồng ý với lời khai của bà N cho rằng khoản tiền này bà N đã trả cho bà Đào Thị Xuân P húc. Do đó, đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm chấp nhận kháng cáo của bị đơn, sửa Bản án sơ thẩm.

- Nguyên đơn bà Đào Thị Xuân N đồng thời là người đại diện theo ủy quyền của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Đặng Phước H đề nghị

Hội đồng xét xử không chấp nhận kháng cáo của bị đơn, giữ nguyên Bản án sơ thẩm.

- Kiểm sát viên phát biểu quan điểm về việc giải quyết vụ án:

1. Về tố tụng: Tòa án cấp phúc thẩm đã thực hiện đúng trình tự, thủ tục theo quy định của pháp luật trong quá trình giải quyết vụ án.

2. Về nội dung: Căn cứ khoản 1 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự; Đề nghị Hội đồng xét xử tuyên xử không chấp nhận kháng cáo của bị đơn bà Lê Thị T1, giữ nguyên Bản án dân sự sơ thẩm số 30/2025/DS-ST ngày 20 tháng 8 năm 2025 của Tòa án nhân dân khu vực 12 – L và buộc người kháng cáo phải chịu án phí dân sự phúc thẩm theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Tại phiên tòa, vắng mặt ông Đặng Phước H nhưng có mặt bà Đào Thị Xuân N là người đại diện theo ủy quyền, vắng mặt ông Lê Khả V nhưng đã có đơn xin xét xử vắng mặt, nên Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt những người tham gia tố tụng này theo quy định tại Điều 296 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Xét kháng cáo của bị đơn bà Lê Thị T1; Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa phúc thẩm; trên cơ sở xem xét đầy đủ, toàn diện các tài liệu, chứng cứ, ý kiến trình bày và tranh luận tại phiên tòa của các đương sự và quan điểm của Kiểm sát viên tham gia phiên tòa phúc thẩm, Hội đồng xét xử thấy rằng:

[2.1] Trong các khoản bà Đào Thị Xuân N yêu cầu bà Lê Thị T1 và ông Lê Khả V trả thì bà Lê Thị T1 thống nhất và đồng ý bà T1 sẽ có trách nhiệm trả cho vợ chồng bà N, ông H các khoản gồm 22.560.000 đồng là tiền đã cầm cố vàng (trong đó gồm 20.000.000 đồng tiền gốc và 2.560.000 đồng tiền lãi), 25.277.000 đồng tiền vay thấu chi (gồm 23.000.000 đồng tiền gốc và 2.277.000 đồng tiền lãi) và 2.000.000 đồng tiền vay để trả cho ông Cao Tiến Tr.

[2.2] Đối với khoản tiền hui 72.000.000 đồng:

Theo bị đơn bà Lê Thị T1 thừa nhận thì bà có nhờ bà N hót 04 phần hui của bà N và nhờ bà N trả nợ giúp cho bà T1, sau khi hót hui thì bà T1 là người đóng tiền hui chết đến hết tháng 11/2024; Tuy nhiên, bà T1 không biết số tiền hui hót được bao nhiêu và sau khi hót hui, bà T1 không biết bà N đã trả nợ cho ai giúp bà T1, chỉ thừa nhận các khoản bà N đã chi gồm: 1.300.000 đồng tiền kem dưỡng da và 12.000.000 đồng tiền hui cũ mượn của bà N, không thừa nhận các khoản bà N trả cho bà P tổng cộng 72.000.000 đồng.

Xét ý kiến của bà T1, Hội đồng xét xử nhận thấy:

Tại buổi hòa giải ngày 29/5/2025, bà T1 khai nhận: Số tiền hót 02 dây hui tháng 7/2024 là 47.840.000 đồng và 02 dây hui tháng 8/2024 là 47.840.000 đồng. Do đó, việc bà T1 cho rằng không biết bà N hót 04 dây hui được bao nhiêu tiền là không có căn cứ chấp nhận. Tuy nhiên, bà N xác nhận số tiền hót 02 dây hui tháng 7/2024 là 47.840.000 đồng và 02 dây hui tháng 8/2024 là 48.160.000 đồng; tổng cộng là 96.000.000 đồng, nên xác định số tiền bà N đã hót hui 02 đợt là 96.000.000 đồng.

Quá trình giải quyết vụ án, bà T1 thừa nhận bà T1 có nợ bà Đào Thị Xuân P 2.620.000.000 đồng. Tại Biên bản lấy lời khai ngày 14/4/2025, bà T1 khai nhận có nhờ bà N hót hụi để trả nợ cho bà Đào Thị Xuân P. Như vậy, việc bà N khẳng định đã trả cho bà P 02 lần với tổng số tiền 72.000.000 đồng là hoàn toàn phù hợp với ý chí của bà T1, phù hợp với xác nhận của bà Đào Thị Xuân P (tại bút lục từ 101 đến 104), cụ thể bà P xác nhận bà N có chuyển trả nợ thay cho bà T1 tổng cộng 72.000.000 đồng, gồm 02 khoản: Vào ngày 11/7/2024 trả 40.000.000 đồng, ngày 09/8/2024 trả 32.000.000 đồng.

Mặt khác, quá trình giải quyết vụ án, bà T1 thừa nhận đối với 04 đầu hụi đã hót như trên, bà T1 chỉ đóng hụi chết đến tháng 11/2024. Do đó, từ tháng 12/2024 đến tháng 8/2025, bà N đã đóng 04 đầu hụi tổng cộng 72.000.000 đồng, nên bà N yêu cầu bà T1 phải hoàn trả số tiền này là có căn cứ để chấp nhận.

[2.3] Về trách nhiệm trả nợ, Hội đồng xét xử nhận thấy: Mặc dù các giao dịch vay tiền giữa bà N và bà T1, ông Lê Khả V (chồng bà T1) không tham gia; tuy nhiên, tại phiên tòa sơ thẩm, bà T1 khai nhận việc bà vay mượn tiền của bà N là để xoay sở khi trong gia đình chi tiêu bị thiếu hụt, có khi cần tiền đóng tiền học cho con, nên Tòa án cấp sơ thẩm căn cứ quy định tại Điều 27, khoản 1 Điều 30, khoản 2 Điều 37 Luật Hôn nhân và Gia đình, buộc ông V phải có nghĩa vụ liên đới cùng với bà T1 trả nợ cho vợ chồng bà N là đúng quy định.

[2.4] Từ nhận định trên, xét thấy kháng cáo của bị đơn bà Lê Thị T1 là không có cơ sở để chấp nhận, như quan điểm của Kiểm sát viên là phù hợp.

[3] Về án phí dân sự phúc thẩm: Do kháng cáo không được chấp nhận, nên người kháng cáo bà Lê Thị T1 phải chịu án phí dân sự phúc thẩm theo quy định tại khoản 1 Điều 148 Bộ luật Tố tụng dân sự, khoản 1 Điều 29 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

[4] Các phần khác của Bản án dân sự sơ thẩm số 30/2025/DS-ST ngày 20 tháng 8 năm 2025 của Tòa án nhân dân khu vực 12 – Lâm Đồng không bị kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào: Khoản 1 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Không chấp nhận kháng cáo của bị đơn bà Lê Thị T1; Giữ nguyên Bản án dân sự sơ thẩm số 30/2025/DS-ST ngày 20 tháng 8 năm 2025 của Tòa án nhân dân khu vực 12 – Lâm Đồng.

Áp dụng: Khoản 1 Điều 147, khoản 1 Điều 148 Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 280, Điều 351, Điều 463, Điều 466, Điều 468, khoản 2 Điều 470, Điều 471 Bộ luật Dân sự; Điều 27, khoản 1 Điều 30, khoản 2 Điều 37 Luật Hôn nhân và Gia đình; khoản 4 Điều 26, khoản 1 Điều 29 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Đào Thị Xuân N: Buộc bà Lê Thị T1 và ông Lê Khả V có nghĩa vụ liên đới trả cho vợ chồng bà Đào Thị Xuân N, ông Đặng Phước H tổng số tiền 121.837.000 đồng (*Một trăm hai mươi mốt triệu, tám trăm ba mươi bảy nghìn đồng*), gồm các khoản: 72.000.000 đồng tiền nợ hụi, 22.560.000 đồng là tiền đã cầm cố vàng (gồm 20.000.000 đồng tiền gốc và 2.560.000 đồng tiền lãi), 25.277.000 đồng tiền vay thấu chi (gồm 23.000.000 đồng tiền gốc và 2.277.000 đồng tiền lãi) và 2.000.000 đồng tiền vay; Khấu trừ số tiền 2.500.000 đồng hốt hụi còn dư do bà Đào Thị Xuân N đang giữ, bà Lê Thị T1 và ông Lê Khả V còn phải trả cho vợ chồng bà Đào Thị Xuân N, ông Đặng Phước H tổng số tiền 119.337.000 đồng (*Một trăm mười chín triệu, ba trăm ba mươi bảy nghìn đồng*).

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

2. Về án phí:

2.1. Buộc bà Lê Thị T1 và ông Lê Khả V phải chịu 5.967.000 đồng (*Năm triệu, chín trăm sáu mươi bảy nghìn đồng*) án phí dân sự sơ thẩm.

2.2. Hoàn trả lại cho bà Đào Thị Xuân N 3.650.000 đồng (*Ba triệu, sáu trăm năm mươi nghìn đồng*) tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp tại biên lai T tiền số 0003117 ngày 26/3/2025 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện B.

2.3. Buộc bà Lê Thị T1 phải chịu 300.000 đồng (*Ba trăm nghìn đồng*) án phí dân sự phúc thẩm, nhưng được khấu trừ vào số tiền 300.000 đồng (*Ba trăm nghìn đồng*) tạm ứng án phí phúc thẩm đã nộp theo biên lai T số 0002941 ngày 05/9/2025 của Thi hành án dân sự tỉnh Lâm Đồng.

3. Các phần khác của Bản án dân sự sơ thẩm số 30/2025/DS-ST ngày 20 tháng 8 năm 2025 của Tòa án nhân dân khu vực 12 – Lâm Đồng không bị kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

4. Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án (26/01/2026).

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa Tận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND tỉnh L;
- TAND khu vực 12 – L;
- VKSND khu vực 12 – L;
- Phòng THADS khu vực 12 – L;
- Lưu: hồ sơ, Tổ HCTP, TDS;

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Hồng Thái